

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:160/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/10/2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Phượng.
2. Ông Nguyễn Thanh Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 631/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: Tổ 8, ấp 6, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976.(vắng mặt)

Trú tại: Tổ 8, ấp 6, xã B, huyện L, Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, ấp 2, xã B, huyện L, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ông và bà H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1996 có tổ chức lễ cưới, và đến năm 1997 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm tháng 2/2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà H hay ghen tuông vô cớ nên cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 07/2014, bà H về nhà bố mẹ ruột tại tổ 8, ấp 2, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn.

Con chung: Có hai cháu tên Nguyễn Ngọc Hải, sinh ngày 02/3/1998 và Nguyễn Thị Thu Hương, sinh ngày 08/11/1999, các cháu đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2018 bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Thời gian và hoàn cảnh xây dựng gia đình như ông A khi là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ đầu năm 2014 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông A có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng gây gỗ cãi vã nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên ông A yêu cầu ly hôn bà đồng ý thuận tình.

Con chung: Có hai con chung như ông A khai hiện các cháu đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Ngày 19/9/2018, bà H có đơn xin yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông A, xử cho ông A được ly hôn bà H. Về con chung: hai cháu Nguyễn Ngọc Hải, sinh ngày 02/3/1998 và Nguyễn Thị Thu Hương, sinh ngày 08/11/1999 đều đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bà H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/9/2018 nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1996, đến năm 1997 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B huyện L, tỉnh Đồng Nai (số 07 quyển số 08 ngày 20/01/1997) theo đúng quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ năm 2012 vợ chồng ông A và bà H sống không hạnh phúc đến năm 2014 thì tự sống ly thân không quan tâm nhau cho đến nay mà không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đều xác định tình cảm không còn nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A, xử cho ông A được ly hôn bà H.

[3]. Về con chung: Ông A, bà H đều xác định có hai con chung là Nguyễn Ngọc Hải, sinh ngày 02/3/1998 và Nguyễn Thị Thu Hương, sinh ngày 08/11/1999.

Hiện các cháu đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có đủ khả năng lao động nên không xét việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 131 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A, xử cho ông Nguyễn Ngọc A được ly hôn bà Đỗ Thị H.

- Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Ngọc Hải, sinh ngày 02/3/1998 và Nguyễn Thị Thu Hương, sinh ngày 08/11/1999 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 006659 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Ông A đã nộp đủ án phí.

3. Ông Nguyễn Ngọc A được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND X. Bà Cạn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng